

PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC VÙNG TÂY BẮC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG NGHIỆP HÓA

TRƯƠNG XUÂN CỪ
Ban chỉ đạo Tây Bắc
Email: truongxuancu@yahoo.com

Tóm tắt: *Đội ngũ trí thức của các tỉnh vùng Tây Bắc đóng vai trò quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Số lượng trí thức tăng nhanh. Tuy vậy, đội ngũ trí thức còn tập trung ở một số tỉnh. Đội ngũ trí thức người dân tộc thiểu số của các tỉnh trong vùng cũng tăng. Một số dân tộc thiểu số ít người đã có người đạt trình độ cao đẳng, đại học. Nhưng tốc độ tăng của đội ngũ trí thức người dân tộc thiểu số còn khá chậm so với mức độ tăng của đội ngũ trí thức nói chung trong vùng. Trí thức các dân tộc thiểu số còn tập trung ở một số dân tộc như Tày, Mường, Nùng, Thái.*

Từ khóa: *Trí thức; dân tộc thiểu số; vùng Tây bắc.*

(Nhận bài ngày 13/6/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 18/7/2016; Duyệt đăng ngày 25/8/2016).

1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã quan tâm đặc biệt bằng nhiều chính sách và sự đầu tư lớn, do đó, cùng với sự lớn mạnh và phát triển của đội ngũ trí thức Việt Nam, đội ngũ trí thức người dân tộc thiểu số (DTTS) vùng Tây Bắc đã có bước phát triển, số lượng đang tăng nhanh, hàng năm có 20% trong số 10 nghìn đến 15 nghìn sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học; chất lượng ngày càng được nâng cao, nhiều sinh viên người DTTS tốt nghiệp đại học đã tiếp tục học lên trình độ cao hơn như: Thạc sĩ, tiến sĩ ở tuổi đời còn rất trẻ; các ngành nghề chuyên môn rộng hơn, phù hợp, đáp ứng với yêu cầu và quá trình phát triển của vùng. Cơ cấu giới tính có nhiều cải thiện, tỉ lệ trí thức là nữ giới hiện nay chiếm tương đương nam giới. Các vùng miền được cải thiện: Vùng núi, vùng sâu, vùng khó khăn đã có thêm nhiều trí thức đến làm việc. Song, bên cạnh đó đội ngũ trí thức vẫn còn nhiều hạn chế về số lượng (nhất là đội ngũ trí thức người DTTS), khả năng bổ sung về số lượng trí thức người DTTS còn chậm, những vùng có điều kiện tốt thu hút được lực lượng trí thức lớn, vùng khó khăn thì trí thức ít đi. Chất lượng đội ngũ trí thức vùng Tây Bắc chưa cao. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, các nhà quản lí - lực lượng chủ yếu của đội ngũ trí thức vùng Tây Bắc chất lượng chưa đáp ứng kịp yêu cầu đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hóa của vùng. Do vậy, phát triển đội ngũ trí thức vùng Tây Bắc đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa hiện nay là rất cần thiết.

2. Thực trạng phát triển đội ngũ trí thức vùng Tây Bắc

Cùng với sự phát triển chung của cả nước, đội ngũ trí thức vùng Tây Bắc phát triển ngày càng mạnh, giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của vùng, cải thiện và nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân. Để theo kịp sự phát triển của cả nước, cấp uỷ, chính quyền các tỉnh trong vùng đã và đang tập trung đầu tư phát triển đội ngũ trí thức có tâm, có tầm

Theo thống kê năm 2011, toàn khu vực, đội ngũ trí thức hiện có hơn 290.973 người (trong tổng dân số khu

Bảng 1: Thống kê tỉ lệ trí thức các tỉnh so với dân số năm 2011

TT	Tỉnh	Dân số	Số trí thức	Tỉ lệ (%)
1	Hà Giang	746.300	17.410	2,3
2	Cao Bằng	515.000	17.236	3,3
3	Bắc Kạn	298.700	10.206	3,4
4	Tuyên Quang	730.800	22.555	3,1
5	Lào Cai	637.500	19.688	3,1
6	Yên Bái	758.600	24.508	3,2
7	Lạng Sơn	741.200	24.644	3,3
8	Phú Thọ	1.326.000	52.687	4,0
9	Điện Biên	512.300	15.218	3,0
10	Lai Châu	391.200	8.934	2,3
11	Sơn La	1.119.400	27.730	2,5
12	Hoà Bình	799.800	50.157	6,3
	Tổng	8.576.800	290.973	3,4

(Nguồn: Báo cáo của các tỉnh khu vực Tây Bắc năm 2011)

vực khoảng 8.576.800 người), chiếm 3,4 % dân số khu vực. Các tỉnh có tỉ lệ trí thức cao nhất là Hòa Bình tiếp đến là Phú Thọ, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn... Những tỉnh có sự phát triển nhanh về tỉ lệ trí thức trong tổng số dân số là Hòa Bình, Hà Giang, Lai Châu. Trong giai đoạn hiện nay, phát triển kinh tế - xã hội gắn với phát triển đội ngũ trí thức của vùng đã gia tăng được một số lượng đội ngũ trí thức đáng kể, làm điều kiện nền tảng thuận lợi cho yêu cầu xây dựng đất nước trong giai đoạn tới. Nhiều trí thức tâm huyết với nghề nghiệp, chủ động học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, vượt qua khó khăn, thử thách vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đội ngũ trí thức tham gia công tác lãnh đạo, quản lí nhà nước đã tham mưu giúp cấp uỷ Đảng, chính quyền ban hành nhiều chủ trương, chính sách phù hợp với thực tiễn của tỉnh, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, trình độ quản



lí của Nhà nước. Rất nhiều trí thức trẻ thể hiện sự năng động, sáng tạo, có khả năng cập nhật các vấn đề hiện đại về khoa học - kĩ thuật, công nghệ và thích ứng nhanh với kinh tế thị trường, hội nhập sâu rộng quốc tế. Nhiều công trình nghiên cứu khoa học của trí thức có hiệu quả thiết thực, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, của cải vật chất cho xã hội.

Nhiều trí thức sớm trưởng thành trong chuyên môn nghiệp vụ, trong nghiên cứu khoa học, được quy hoạch, bổ nhiệm giữ những cương vị quan trọng trong bộ máy lãnh đạo, quản lí. Tuy nhiên, trước yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế sâu rộng, đội ngũ trí thức còn bộc lộ nhiều hạn chế và yếu kém. Số lượng và chất lượng chưa tương xứng với yêu cầu phát triển của vùng. Cơ cấu đội ngũ trí thức có những mặt không hợp lí về ngành nghề, độ tuổi, giới tính... Trí thức ở tâm chuyên gia còn ít, còn thiếu nghiêm trọng, đội ngũ kế cận hổng hụt nhưng giải pháp còn đang bỏ ngõ. Nhìn chung, hoạt động nghiên cứu khoa học chưa gắn bó nhiều với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và đời sống của các đồng bào. Thậm chí, trình độ của một số trí thức còn tụt hậu so với yêu cầu phát triển, nhất là về năng lực sáng tạo, khả năng thực hành và ứng dụng cho đời sống...

Những hạn chế của đội ngũ trí thức do nhiều nguyên nhân: Điều kiện kinh tế - xã hội của khu vực còn thấp. Ngân sách đầu tư cho khoa học và công nghệ, xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức chưa đáp ứng yêu cầu. Cơ sở vật chất, môi trường làm việc giúp đội ngũ trí thức phát huy tài năng sáng tạo còn chưa đồng bộ. Việc tập hợp, liên kết giữa trí thức với nông dân, giữa trí thức các khu vực, các vùng với nhau còn hạn chế, nhiều trí thức hoạt động thiếu thông tin. Sự phối hợp giữa cá nhân các nhà trí thức, giữa trí thức các ngành chưa cao. Một bộ phận trí thức, ở mức độ khác nhau, còn chịu ảnh hưởng các mặt hạn chế của tư tưởng phong kiến, của nền kinh tế tiểu nông và cơ chế kế hoạch hoá tập trung,

quan liêu bao cấp kéo dài, của mặt trái cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn kinh tế đang chuyển đổi.

3. Tình hình phát triển đội ngũ trí thức người dân tộc thiểu số trong vùng

3.1. Về số lượng đội ngũ trí thức người dân tộc thiểu số

Tổng số đội ngũ trí thức người DTTS vùng Tây Bắc năm 1999 có 29.551 người, chiếm 0,39 % dân số. Đây là tỉ lệ khá thấp so với yêu cầu phát triển đội ngũ trí thức các DTTS của vùng. Nếu so với trí thức của toàn vùng, trí thức người DTTS chiếm 26,8%.

Năm 2011, đội ngũ trí thức người DTTS các tỉnh vùng Tây Bắc đã tăng khá nhanh. Tổng số đội ngũ trí thức người người DTTS vùng Tây Bắc năm 2011 có 79.133 người so với năm 1999 là 29.551 người, tăng gần 3 lần. Nếu năm 1999, trí thức người DTTS chỉ chiếm 0,39 % dân số thì đến năm 2011 số trí thức này chiếm 0,92 % dân số, tăng gần 3 lần. Nếu so với đội ngũ trí thức toàn vùng Tây Bắc thì trí thức người DTTS có tăng nhưng tỉ lệ không cao. Năm 1999 trí thức người DTTS chỉ bằng 26,8% trí thức toàn vùng thì đến năm 2011 tỉ lệ này chiếm 27,2%, tăng 0,4%. Như vậy, so với dân số, tỉ lệ trí thức người DTTS của vùng Tây Bắc tăng nhanh nhưng so với trí thức toàn vùng thì tỉ lệ này tăng ở mức rất thấp. Đây là vấn đề cần được quan tâm trong phát triển đội ngũ trí thức người DTTS của các tỉnh Tây Bắc.

3.2. Về chất lượng đội ngũ trí thức người dân tộc thiểu số

Theo thống kê các tỉnh và Bộ Giáo dục, năm 2011, đội ngũ trí thức người DTTS các tỉnh vùng Tây Bắc có 79.133 người chiếm 27,2% số lượng trí thức chung trong vùng, trong đó 33 người có học vị tiến sĩ, chiếm 0,04% và 653 người có học vị thạc sĩ chiếm 0,82% số trí thức người DTTS của vùng. Có thể nói, tỉ lệ trí thức người DTTS của vùng Tây Bắc có trình độ sau đại học còn rất khiêm tốn.

Tính riêng trong ngành Giáo dục ở các tỉnh vùng Tây

Bắc, cấp Trung học phổ thông cơ sở có 53,6% giáo viên (GV) là người DTTS, cấp Trung học phổ thông có 39,1%; ở các tỉnh vùng Đông Bắc cấp Trung học phổ thông cơ sở có 38,3% GV là người DTTS, cấp Trung học phổ thông tỉ lệ là 38,4%; các GV đều có trình độ từ cao đẳng trở lên. Tuy nhiên, số lượng trí thức tập trung nhiều ở các dân tộc Tày, Mường, Nùng, Thái; các dân tộc còn lại do điều kiện kinh tế khó khăn, cư trú phân tán ở vùng sâu, vùng xa, dân số

Bảng 2: Số lượng đội ngũ trí thức người DTTS vùng Tây Bắc năm 1999

TT	Tỉnh	Dân số		Số lượng trí thức		Tỉ lệ (%)			
		Tổng số	DTTS	Tổng số	Trí thức DTTS	DTTS/ dân số	Trí thức/ dân số	Trí thức DTTS/ dân số	Trí thức DTTS/ Trí thức
1	Bắc Kạn	275.165	238.578	3.736	2.563	87	1,4	0,9	68,6
2	Cao Bằng	490.335	467.379	7.792	6.505	95	1,6	1,3	83,5
3	Hà Giang	602.525	529.551	4.572	1.686	88	0,8	0,3	36,9
4	Hoà Bình	756.713	546.861	16.459	4.321	72	2,2	0,6	26,3
5	Lào Cai	594.364	397.475	6.245	776	67	1,1	0,1	12,4
6	Lai Châu	587.582	488.488	4.667	812	83	0,8	0,1	17,4
7	Lạng Sơn	703.824	587.718	10.410	6.280	84	1,5	0,9	60,3
8	Sơn La	882.077	728.431	9.023	2.217	83	1,0	0,3	24,6
9	Tuyên Quang	676.174	350.141	9.382	1.875	52	1,4	0,3	20,0
10	Phú Thọ	1.261.559	183.700	26.524	1050	15	2,1	0,1	4,0
11	Yên Bái	679.068	341.993	11.453	1.466	50	1,7	0,2	12,8
	Tổng	7.509.386	4.860.315	110.263	29.551	65	1,5	0,39	26,8

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 1999)

Bảng 3: Số lượng đội ngũ trí thức người DTTS vùng Tây Bắc năm 2011

TT	Tỉnh	Dân số		Số lượng trí thức		Tỉ lệ (%)			
		Tổng số	DTTS	Tổng số	Trí thức DTTS	DTTS /dân số	Trí thức /dân số	Trí thức DTTS /dân số	Trí thức DTTS /Trí thức
1	Hà Giang	746.300	647.448	17.410	6.742	87	2,3	0,9	38,7
2	Cao Bằng	515.000	485.361	17.236	14.552	94	3,3	2,8	84,4
3	Bắc Kạn	298.700	258.768	10.206	7.235	87	3,4	2,4	70,9
4	Tuyên Quang	730.800	393.044	22.555	5.566	54	3,1	0,8	24,7
5	Lào Cai	637.500	417.051	19.688	2676	65	3,1	0,4	13,6
6	Yên Bái	758.600	407.278	24.508	3.885	54	3,2	0,5	15,9
7	Lạng Sơn	741.200	615.292	24.644	15.469	83	3,3	2,1	62,8
8	Phú Thọ	1.326.000	208.912	52.687	2762	16	4,0	0,2	5,2
9	Điện Biên	512.300	417.925	15.218	2.805	82	3,0	0,5	18,4
10	Lai Châu	391.200	331.406	8.934	1.580	85	2,3	0,4	17,7
11	Sơn La	1.119.400	922.307	27.730	7.804	82	2,5	0,7	28,1
12	Hoà Bình	799.800	588.376	50.157	8.055	74	6,3	1,0	16,1
	Tổng	8.576.800	5.693.170	290.973	79.133	66	3,4	0,92	27,2

(Nguồn: Báo cáo của các tỉnh vùng Tây Bắc năm 2012)

ít nên số lượng trí thức còn hạn chế. Mặt khác, tỉ lệ đội ngũ trí thức người DTTS tập trung vào một số tỉnh và có sự khác nhau giữa các tỉnh khá rõ: Cao Bằng 84,4%, Bắc Kạn 70,9%, Lạng Sơn 62,8%, trong khi tỉ lệ này ở Lào Cai là 13,6%, Phú Thọ 5,2%....

Về phẩm chất chính trị, đội ngũ trí thức người DTTS có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ giác ngộ cách mạng sâu sắc, có trình độ chuyên môn, trí tuệ, năng lực lao động sáng tạo, khả năng tiếp thu, vận dụng trí tuệ vào thực tế; thực hiện chủ trương, chính sách và đã có nhiều đóng góp, tham mưu cho Đảng, Nhà nước hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng núi, vùng DTTS ở khu vực Tây Bắc.

Trong những năm đổi mới vừa qua, cùng với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trí thức nói chung, trí thức người DTTS nói riêng được Đảng, Nhà nước đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao đã cập nhật những kiến thức mới nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế cuộc sống đặt ra. Đội ngũ cán bộ DTTS trong đội ngũ trí thức ở các tỉnh đã được giao đảm đương nhiều vị trí chủ chốt trong cấp ủy Đảng, hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp. Một số trí thức người DTTS là cán bộ đầu ngành của các tỉnh. Trên cương vị công tác của mình, nhiều trí thức người DTTS đã có đóng góp tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng ở các địa phương.

Tuy vậy, trình độ một số trí thức người DTTS còn một số mặt bất cập, chưa theo kịp yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Qua nghiên cứu ở một số trường đại học và địa phương vùng Tây Bắc cho thấy điểm yếu cơ bản trong sinh viên DTTS là chưa thật tích cực tư duy trong học tập. Trong quá trình học tập, khả năng phân tích tổng hợp, khái quát của học sinh người DTTS còn hạn chế. Một số cán bộ trí thức người DTTS tuổi cao, có trình độ chuyên môn, lí luận chính trị nhất định, nhiều

kinh nghiệm trong thực tiễn công tác nhưng ít được đào tạo bồi dưỡng để cập nhật các kiến thức mới. Số đông trí thức người DTTS còn trẻ, thiếu am hiểu thực tiễn nên chất lượng nghiên cứu khoa học không cao. Việc sắp xếp, bố trí đội ngũ trí thức tham gia công tác quản lí, chuyên môn có lúc, có nơi còn trái ngành, trái nghề nên chưa phát huy được khả năng và năng lực sở trường của từng cá nhân. Trong công tác tổ chức bộ máy và cán bộ, việc quy hoạch đội ngũ lãnh đạo mới chỉ chú ý đến vấn đề bồi

dưỡng để trở thành cán bộ lãnh đạo, quản lí còn vấn đề đào tạo chuyên sâu để trở thành chuyên gia đầu ngành còn rất hạn chế.

GV là lực lượng trí thức đông đảo nhất ở các tỉnh vùng Tây Bắc. Tuy nhiên, do môi trường công tác, phần đông GV công tác ở vùng sâu, vùng xa không có điều kiện hoặc ít có điều kiện tiếp cận với công nghệ thông tin. Vì vậy, họ thường bị lạc hậu mà lẽ ra họ phải là những người đi tiên phong trong lĩnh vực này cũng như nhiệm vụ chuyển giao khoa học kĩ thuật, thông báo thông tin thời sự của xã hội.

Bên cạnh tình trạng thiếu về số lượng (hiện nay, hầu hết các tỉnh này đều thiếu GV các cấp ở vùng cao, vùng khó khăn), phần lớn GV được đào tạo theo hệ cử tuyển và tại chức, vì thế, chất lượng còn nhiều hạn chế. Chẳng hạn, ở Lai Châu, số GV dạy phổ thông trung học có thâm niên trong nghề từ 1 - 5 năm, học hệ cử tuyển và tại chức chiếm tỉ lệ 25% - 30%, tỉ lệ còn cao hơn đối với GV có thâm niên.

Qua khảo sát ở một số tỉnh vùng Tây Bắc cho thấy, tỉ lệ số người học đại học hệ tại chức khá đồng so với học đại học chính quy. Chẳng hạn, ở Hà Giang, tỉ lệ đào tạo tại chức cao gấp 2,5 lần so với đào tạo chính quy.

3.3. Về cơ cấu

Theo DTTS, dân tộc Tày vùng Tây Bắc có tỉ lệ trí thức cao nhất, chiếm hơn một nửa số trí thức của các dân tộc toàn vùng (52,5%), tiếp đến là dân tộc Mường (14,0%), Nùng (12,8%) và Thái (12,6%). Các dân tộc H'mông và Dao có tỉ lệ thấp nhất (2,2%).

Trong các thành phần dân tộc, các dân tộc Tày, Mường, Nùng, Thái có số lượng đội ngũ trí thức cao hơn nhiều so với các dân tộc ít người khác. Sự phát triển đội ngũ trí thức các tỉnh vùng Tây Bắc đã có nhiều cố gắng. Cán bộ, công chức, viên chức một số DTTS ít người đã



có trình độ cao đẳng, đại học như dân tộc Xuông, Lự (trong tổng số 5.579 người) có 1 người, dân tộc Mảng (trong tổng số 3.642 người) có 2 người, dân tộc Sán Chỉ (trong tổng số 144.748 người) có 3 người được đứng trong diện đội ngũ trí thức. Một số DTTS đặc biệt ít người như: Mạ, Chút, Xtiêng, Co chưa có người đạt trình độ cao đẳng, đại học.

4. Kết luận

Đội ngũ trí thức của vùng Tây Bắc nói chung và các DTTS trong vùng nói riêng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Tuy vậy, so với yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa đội ngũ trí thức trong vùng thì đội ngũ này vẫn còn những hạn chế nhất định. Đây là vấn đề cần được quan tâm trong việc phát triển đội ngũ trí thức các tỉnh vùng Tây Bắc hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Báo cáo về phát triển đội ngũ trí thức người dân tộc thiểu số của tỉnh ủy các tỉnh: Cao Bằng, Sơn La, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hòa Bình, Hà Giang, Điện Biên, Tuyên Quang, Lai Châu năm 2012.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Báo cáo về tình hình giáo dục dân tộc hiện nay và phương hướng phát triển đến năm

Bảng 4: Cơ cấu đội ngũ trí thức DTTS các tỉnh năm 2011

Tỉnh	Tổng số	Kinh	Tày	Mường	Nùng	Thái	Dao	H'mông	Dân tộc khác
Hà Giang	17.410	10.668	5.019	39	469	11	201	405	598
Cao Bằng	17.236	2.684	11.318	10	2.994	8	98	84	40
Bắc Kạn	10.206	2.971	6.097	19	737	4	286	8	84
Tuyên Quang	22.555	16.989	4.144	41	223	10	346	45	756
Lào Cai	19.688	17.012	1.279	80	347	41	186	236	507
Yên Bái	24.508	20.622	2.706	198	240	232	177	209	123
Lạng Sơn	24.644	9.175	10.186	29	4.964	10	127	18	134
Phú Thọ	52.687	49.924	133	2.456	21	20	37	3	92
Điện Biên	15.218	12.413	173	123	63	1.964	18	335	129
Lai Châu	8.934	7.353	154	131	28	863	91	74	239
Sơn La	27.730	19.925	151	833	26	6.238	78	322	156
Hòa Bình	50.157	42.103	212	7.102	7	609	83	20	22
Tổng	290.973	211.840	41.571	11.062	10.120	10.009	1.729	1.760	2.881
Tỉ lệ (%) trí thức		72,8	14,3	3,8	3,5	3,4	0,6	0,6	1,0
Tỉ lệ (%) trí thức DTTS			52,5	14,0	12,8	12,6	2,2	2,2	3,6

(Nguồn: Báo cáo của các tỉnh vùng Tây Bắc năm 2012)

- 2020 (tại Hội nghị Giáo dục toàn quốc ngày 18/4/2008).
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2005), *Đổi mới phương thức đào tạo ở trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh đáp ứng nhu cầu đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số trong giai đoạn hiện nay*, Đề tài cấp Bộ B2003 - 49 - 58 .
- [4]. Bộ Nội vụ, Báo cáo việc thực hiện chính sách về quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số (Số: 206/BC-BNV, ngày 16/8/2004).
- [5]. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6]. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

DEVELOPING INTELLECTUALS IN NORTH WEAST AREAS TO MEET THE REQUIREMENTS OF INDUSTRIALIZATION

Truong Xuan Cu
Tay Bac Steering Committee
Email: truongxuanqu@yahoo.com

Abstract: *The intellectual staff in the North West provinces plays an important role in the cause of regional socio-economic development. Number of intellectuals rapidly increased. However, it was concentrated in some provinces. Number of ethnic intellectuals increased too. Some ethnic minorities reached college and university levels. But the growth rate of the ethnic intellectuals was relatively slow compared to other groups in the region. Ethnic intellectuals are focused on certain ethnic groups such as the Tay, Muong, Nung, Thai.*

Keywords: *Intellectuals; ethnic minorities; the North West areas.*